

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 15/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1953. Địa chỉ: USA; địa chỉ liên hệ: phường P, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1944; bà Võ Thị Nguyên T, sinh năm 1982 và ông Bạch Thanh V, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: phường P, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2019)

Bị đơn: Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1961 và bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: ấp 1, xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp 1, xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Phạm Thị Thanh T2, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp 1, xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1979. Địa chỉ: phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 11/6/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị K, sinh năm 1944. Địa chỉ liên hệ: phường P, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Huỳnh L, sinh năm 1985 và bà Trần Thị N, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phạm Xuân T, bà Lê Thị Kim L, bà Phạm Thị Thu T1 và bà Phạm Thị Thanh T2 thừa nhận toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất tại các thửa 115, 766 và 767 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và toàn bộ cây cối, vật kiến trúc, công trình xây dựng trên đất là của bà Phạm Thị S. Các ông, bà Phạm Xuân T, Lê Thị Kim L, Phạm Thị Thu T1 và Phạm Thị Thanh T2 có nghĩa vụ ký chuyển nhượng, sang tên quyền sử dụng đất cho người mà bà Phạm Thị S chỉ định theo quy định của pháp luật đối với các diện tích đất sau: thửa 767 tờ bản đồ số 07 diện tích 502m² tọa lạc tại xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA cấp cho ông Phạm Xuân T ngày 28/7/2015; thửa 766 tờ bản đồ số 07 diện tích 880m² tọa lạc tại xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA cấp cho ông Phạm Xuân T ngày 28/7/2015; thửa 115 tờ bản đồ số 07 diện tích 2044m² tọa lạc tại xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA cấp cho ông Phạm Xuân T ngày 14/7/2015.

2.2. Bà Phạm Thị S hỗ trợ cho ông Phạm Xuân T, bà Lê Thị Kim L, bà Phạm Thị Thu T1 và bà Phạm Thị Thanh T2 số T2 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

2.3. Bà Phạm Thị S tiếp tục cho ông Huỳnh L thuê đất sử dụng tại các thửa số 115, 766 và 767 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng thuê đất số 02/2016/HĐ-CN ngày 10/9/2018 đã giao kết giữa bà Lê Thị Kim L và ông Huỳnh L.

2.4. Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Bà Phạm Thị S tự nguyện nộp chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm ngàn đồng). Bà S đã nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) nên được hoàn trả 12.100.000đ (Mười hai triệu một trăm nghìn đồng).

2.5. Về án phí: Bà Phạm Thị S được miễn 6.000.000đ (S triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vì bà S là người cao tuổi. Các ông, bà Phạm Xuân T, Lê Thị Kim L, Phạm Thị Thu T1 và Phạm Thị Thanh T2 nộp 6.300.000đ (S triệu ba trăm nghìn đồng) gồm 6.000.000đ (S triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BRVT;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Minh Bắc